

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

MÃ ĐỀ 601

Họ và tên học sinh:Số báo danh:

PHẦN I (3,0 điểm). TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (gồm 12 câu, mỗi câu 0,25 điểm)

Học sinh ghi đúng 1 lựa chọn A, B, C hoặc D vào bảng trả lời trắc nghiệm.

Câu 1. Cho tập hợp $P = \{x \in \mathbb{N} \mid 10 \leq x < 20\}$. Số nào sau đây không thuộc tập hợp P ?

- A. 10. B. 11. C. 19. D. 20.

Câu 2. Kết quả của phép tính $64 + 2^{10} : 256.16$ bằng

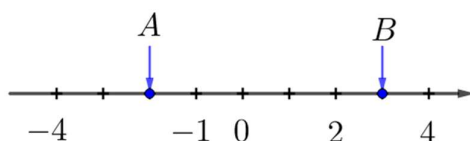
- A. 64. B. 128. C. 68. D. 16384.

Câu 3. Mẹ An bán hoa quả ở chợ. An giúp mẹ ghi số tiền lãi, lỗ hằng ngày bằng số nguyên trong một tuần như sau:

Ngày	7/11	8/11	9/11	10/11	11/11	12/11	13/11
Tiền lãi, lỗ (nghìn đồng)	-50	-26	0	100	280	350	400

Công việc buôn bán hoa quả của mẹ An có lãi vào ngày

- A. 7/11. B. 8/11. C. 9/11. D. 10/11.

Câu 4. Các điểm A, B ở hình dưới đây lần lượt biểu diễn các số nguyên nào?

- A. -3 và 2. B. -2 và 3. C. -3 và 3. D. -2 và 2.

Câu 5. Sắp xếp nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$) đêm 8/12/2022 tại các địa điểm sau đây theo thứ tự từ thấp đến cao: Hà Nội 17°C , Seoul -3°C , Bắc Kinh 0°C , Moskva -6°C .

- A. Hà Nội, Seoul, Bắc Kinh, Moskva. B. Bắc Kinh, Seoul, Moskva, Hà Nội.
C. Moskva, Seoul, Bắc Kinh, Hà Nội. D. Hà Nội, Bắc Kinh, Seoul, Moskva.

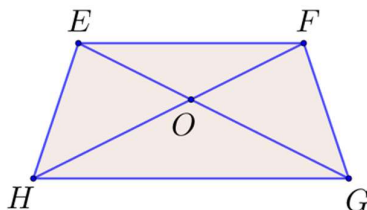
Câu 6. Kết quả của phép tính $(-2).29 + (-2).(-99) + (-2).(-30)$ là số nguyên a . Số đối của a là

- A. 200. B. -200. C. 316. D. -316.

Câu 7. Đặc điểm nào sau đây **không phải** của hình vuông?

- A. Hai góc đối bằng nhau. B. Hai đường chéo bằng nhau.
C. Bốn cạnh bằng nhau. D. Có năm đỉnh.

Câu 8. Cho hình thang cân $EFGH$ như hình vẽ. Khẳng định nào sau đây đúng?



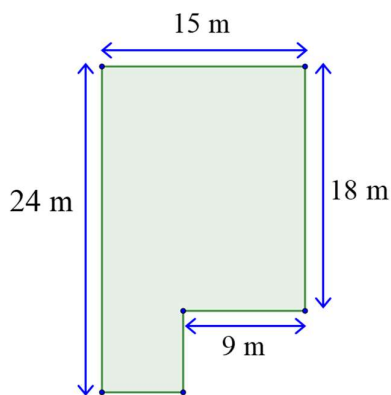
A. $EF = GH$.

B. $EH // FG$.

C. O là trung điểm của EG .

D. $EH = FG$.

Câu 9. Tính diện tích S của khu vườn có kích thước như hình dưới.



A. $S = 306 \text{ m}^2$.

B. $S = 270 \text{ m}^2$.

C. $S = 360 \text{ m}^2$.

D. $S = 78 \text{ m}$.

Câu 10. Bảng sau ghi lại số học sinh vắng học ngày 12/12/2022 của các lớp khối 6 tại trường Trung học cơ sở A:

Lớp	6A1	6A2	6A3	6A4	6A5	6A6
Số học sinh vắng	2	0	1	-1	1	2,5

Có bao nhiêu dữ liệu không hợp lí trong bảng trên?

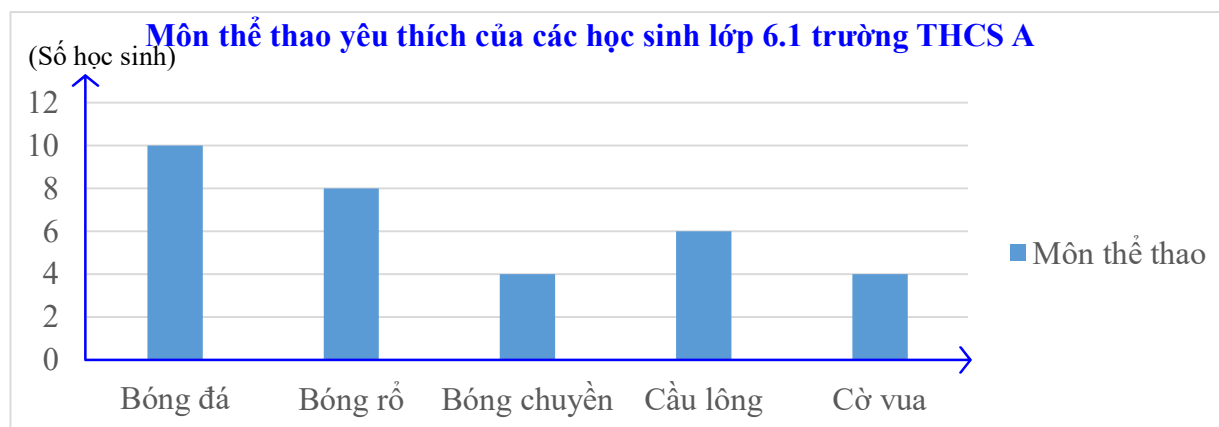
A. 0.

B. 1.

C. 2.

D. 3.

Câu 11. Quan sát biểu đồ sau:



Môn thể thao được các học sinh lớp 6.1 yêu thích nhiều hơn môn bóng rổ là

A. cờ vua.

B. cầu lông.

C. bóng chuyền.

D. bóng đá.

Câu 12. Điểm kiểm tra thường xuyên lần 3 môn Toán của học sinh lớp 6A được ghi nhận trong bảng thống kê sau:

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh đạt	0	0	0	2	6	4	4	6	7	5

Số học sinh đạt từ điểm 6 trở lên là

- A. 26 học sinh. B. 22 học sinh. C. 40 học sinh. D. 34 học sinh.

PHẦN II (7,0 điểm). TỰ LUẬN

Bài 1 (1,5 điểm)

- a) Thực hiện phép tính: $\left[12 + (5^2 - 110) : 5\right] + 15 : 2022^0$.
- b) Tìm số tự nhiên x , biết: $2x - 7 = 15$.

Bài 2 (2,0 điểm)

- a) Tìm số tự nhiên x , biết: $x \in \text{ƯC}(102; 90; 132)$ và x là số nguyên tố.

b) Ba vận động viên chạy xung quanh một sân vận động, bắt đầu cùng lúc tại vạch xuất phát và chạy cùng chiều. Vận động viên thứ nhất chạy một vòng sân mất 180 giây, vận động viên thứ hai chạy một vòng sân mất 240 giây, vận động viên thứ ba chạy một vòng sân mất 200 giây. Kể từ khi ba vận động viên xuất phát, vào lúc vận động viên thứ nhất và thứ hai gặp lại nhau lần đầu tiên tại vạch xuất phát thì vận động viên thứ ba cần chạy thêm bao nhiêu giây nữa để hoàn thành vòng sân đang chạy? Giả sử thời gian chạy mỗi vòng của các vận động viên không đổi.

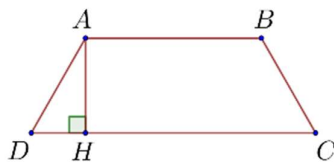
Bài 3 (1,5 điểm). Tính hợp lí:

- a) $(-220) + 2022 + (-780) + (-2022)$; b) $19.(-18) + 19.29 - 19$.

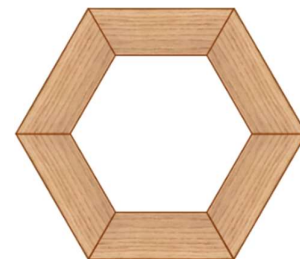
Bài 4 (1,0 điểm). Một loại bàn có mặt bàn là hình thang cân với độ dài hai cạnh đáy là 1,2 m và 75 cm, chiều cao 4 dm, cạnh bên dài khoảng 46 cm như hình vẽ.



Chiếc bàn hình thang cân



Mặt bàn hình thang cân



Mặt trên của chiếc bàn

ghép từ 6 chiếc bàn hình thang cân

- a) Người ta dùng một nẹp nhựa PVC để dán tất cả các cạnh của chiếc bàn có mặt là hình thang cân. Tính tổng chiều dài nẹp nhựa PVC để dán nẹp chiếc bàn này.
- b) Người ta ghép 6 bàn giống nhau có mặt là các hình thang cân để phục vụ cho một buổi thảo luận. Tính diện tích mặt bàn của chiếc bàn được ghép từ 6 bàn nêu trên.

Bài 5 (1,0 điểm). Biểu đồ tranh dưới đây thể hiện số kilôgam nho của hàng Hạnh Phúc bán được trong một tuần theo từng loại:

Loại nho	Số kilôgam nho bán được
Nho Mẫ đơn	   
Nho kẹo	    
Nho Peru	       
Nho ngón tay	    

 = 10 kilôgam;  = 5 kilôgam.

- a) Hỏi trong tuần đó, cửa hàng này bán được loại nho nào nhiều nhất? Cửa hàng bán được tổng cộng bao nhiêu kilôgam nho?
- b) Hãy lập bảng thống kê thể hiện số kilôgam nho bán được trong tuần theo từng loại ở cửa hàng Hạnh Phúc.

____**HẾT**____

TRƯỜNG TRUNG HỌC THỰC HÀNH SÀI GÒN
ĐÁP ÁN ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đáp án có 03 trang)

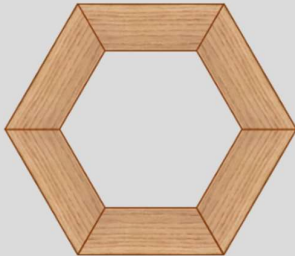
KIỂM TRA HỌC KỲ I
NĂM HỌC: 2022 - 2023
MÔN: TOÁN - LỚP: 6
Thời gian làm bài: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
601	D	B	D	B	C	B	D	D	A	C	D	A
602	C	D	D	C	D	B	D	D	B	B	A	A
603	D	D	D	D	A	C	B	D	A	A	B	B
604	A	C	D	B	D	A	C	B	D	D	A	B

PHẦN TỰ LUẬN

Câu	Đáp án	Điểm
1	Câu 1a (0,75 điểm). Thực hiện phép tính: $\left[12 + (5^2 - 110) : 5 \right] + 15 : 2022^0$.	
	$= \left[12 + (25 - 110) : 5 \right] + 15 : 1$	0,25
	$= \left[12 + (-85) : 5 \right] + 15 : 1$ $= \left[12 + (-17) \right] + 15 : 1$ $= (-5) + 15 : 1$	0,25
	$= (-5) + 15$ $= 10$	0,25
	Câu 1b (0,75 điểm). Tìm số tự nhiên x , biết: $2x - 7 = 15$.	
	$2x = 15 + 7$	0,25
	$2x = 22$	0,25
	$x = 22 : 2$ $x = 11$	0,25
2	Câu 2a (1,0 điểm). Tìm số tự nhiên x , biết: $x \in \text{ƯC}(102; 90; 132)$ và x là số nguyên tố.	
	$102 = 2.3.17$; $90 = 2.3^2.5$; $132 = 2^2.3.11$	0,5
	Các thừa số nguyên tố chung: 2; 3.	0,25
	Vì $x \in \text{ƯC}(102; 90; 132)$ và x là số nguyên tố nên $x \in \{2; 3\}$.	0,25
	Câu 2b (1,0 điểm). Ba vận động viên chạy xung quanh một sân vận động, bắt đầu cùng lúc tại vạch xuất phát và chạy cùng chiều. Vận động viên thứ nhất chạy một vòng sân mất 180 giây, vận động viên thứ hai chạy một vòng sân mất 240 giây, vận động viên thứ ba chạy một vòng sân mất 200 giây. Kể từ khi ba vận động viên xuất phát, vào lúc vận động viên thứ nhất và thứ hai gặp lại nhau lần đầu tiên tại vạch xuất phát thì vận động viên thứ ba cần	

	chạy thêm bao nhiêu giây nữa để hoàn thành vòng sân đang chạy? Giả sử thời gian chạy mỗi vòng của các vận động viên không đổi.	
	Gọi x (giây) là khoảng thời gian vận động viên thứ nhất và thứ hai chạy đến khi gặp nhau lần đầu tiên tại vạch xuất phát ($x \in \mathbb{N}^*$, x nhỏ nhất).	0,25
	$\left. \begin{array}{l} x:180 \\ x:240 \end{array} \right\} \Rightarrow x = \text{BCNN}(180, 240)$	
	$180 = 2^2.3^2.5$; $240 = 2^4.3.5$ nên $x = 2^4.3^2.5 = 720$ Sau 720 giây chạy thì vận động viên thứ nhất và thứ hai gặp nhau lần đầu tại vạch xuất phát.	0,25
	$720 : 200 = 3$ dư 120	0,25
	Vậy để hoàn thành vòng chạy thì vận động viên thứ ba cần chạy thêm: $200 - 120 = 80$ giây.	0,25
3	Câu 3a (0,75 điểm). Tính hợp lí: $(-220) + 2022 + (-780) + (-2022)$;	
	$= [(-220) + (-780)] + [2022 + (-2022)]$	0,25
	$= (-1000) + 0$	0,25
	$= -1000$	0,25
	Câu 3b (0,75 điểm). $19.(-18) + 19.29 - 19$.	
	$= 19.(-18) + 19.29 - 19.1$	0,25
	$= 19. [(-18) + 29 - 1]$	0,25
	$= 19.10 = 190$	0,25
4	Câu 4 (1,0 điểm). Một loại bàn có mặt bàn là hình thang cân với độ dài hai cạnh đáy là 1,2 m và 75 cm, chiều cao 4 dm, cạnh bên dài khoảng 46 cm như hình vẽ.  Chiếc bàn hình thang cân  Mặt bàn hình thang cân  Mặt trên của chiếc bàn ghép từ 6 chiếc bàn hình thang cân a) Người ta dùng một nẹp nhựa PVC để dán tất cả các cạnh của chiếc bàn có mặt là hình thang cân. Tính tổng chiều dài nẹp nhựa PVC để dán nẹp chiếc bàn này. b) Người ta ghép 6 bàn giống nhau có mặt là các hình thang cân để phục vụ cho một buổi thảo luận. Tính diện tích mặt bàn của chiếc bàn được ghép từ 6 bàn nêu trên.	

<

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

____**HẾT**____